

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ LÁCH  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225A/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 05/9/2022  
Về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Tất Linh;

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- *Thư ký phiên Tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

Chị Trương Thị Ngọc H, sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Có đơn xin xét xử vắng mặt

***2. Bị đơn:***

Anh Trần Tấn Q, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.  
Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2022, văn bản trình bày ý kiến ngày 04/5/2022 nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc H trình bày:*

Bà H và ông Q chung sống với nhau vào năm 1998, do hai bên tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông bà có hạnh phúc đến

năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H xét thấy tình cảm giữa bà và ông Q không còn và do ông bà không có đăng ký kết hôn nên bà H yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông Q là vợ chồng.

Về con chung: quá trình chung sống, bà H và ông Q có 01 người con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 09/4/1999. Hiện con chung đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: bà H trình bày không có.

Về nợ chung: bà H trình bày không có.

Ngày 16/8/2022, bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Phía bị đơn ông Trần Tấn Q đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Tòa án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của ông Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng và quan hệ hôn nhân:*

Ngày 16/8/2022, bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông Q.

Căn cứ vào đơn xin xác nhận đề ngày 31/3/2022 của bà Trương Thị Ngọc H gửi Ủy ban nhân dân xã S và Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre xác nhận là bà H, ông Q không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân xã S. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày cho đến thời điểm hiện tại bà H và ông Q vẫn không có đăng ký kết hôn.

Bà H và ông Q có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa bà H và ông Q là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa bà Trương Thị Ngọc H và ông Trần Tấn Q là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống bà H, ông Q có 01 con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 09/4/1999. Hiện con chung đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Bà H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về nợ chung*: bà H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: bà H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15, 16, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

[1]. Không công nhận mối quan hệ giữa bà Trương Thị Ngọc H và ông Trần Tấn Q là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H, ông Q có 01 người con chung tên Trần Đăng K, sinh ngày 09/4/1999. Hiện con chung đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về tài sản chung*: bà H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về nợ chung*: bà H trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trương Thị Ngọc H phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006838 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà H đã nộp đủ án phí.

Bà Trương Thị Ngọc H và ông Trần Tấn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nội nhần:**

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Tuyết Nga**